



Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2013

Số: *F9* /2013/BCKT/BCTC-CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam cho năm tài chính 2012 bao gồm Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo. Báo cáo tài chính này đã được lập ngày 20/02/2013.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và 03, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là tiến hành kiểm tra và đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán và sau đó báo cáo với Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam đã:

- Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- Tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Kiểm toán viên



Tổng Giám đốc

Lê Văn Dò

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0231/KTV

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0132/KTV

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội
 Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70.655.238.785	93.800.022.864
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.127.536.401	20.017.642.802
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	6.100.000.000	16.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.100.000.000	16.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	27.280.034.963	49.990.766.769
1. Phải thu khách hàng	131		20.248.788.689	40.255.417.502
2. Trả trước cho người bán	132		1.383.143.341	609.842.702
3. Các khoản phải thu khác	135		5.648.102.933	9.125.506.565
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.04	22.147.667.421	7.791.613.293
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.494.548.078	5.893.694.901
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.081.316	19.119.389
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		15.652.038.027	1.878.799.003
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		130.981.208.217	115.489.639.358
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		120.576.249.117	109.078.950.244
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	35.541.765.328	24.190.607.929
- Nguyên giá	222		45.382.398.538	30.414.166.755
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.840.633.210)	(6.223.558.826)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.06	85.034.483.789	84.888.342.315
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.032.820.000	1.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.07	7.032.820.000	1.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.08	3.372.139.100	5.410.689.114
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		172.139.100	189.319.114
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.200.000.000	5.221.370.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		201.636.447.002	209.289.662.222

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của BCTC)

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội
 Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

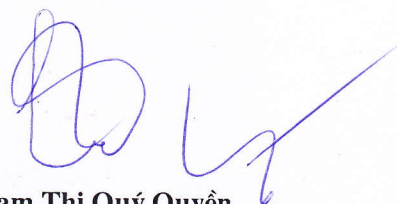
Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		44.194.155.649	51.997.781.396
I. Nợ ngắn hạn	310		29.719.235.911	30.473.353.022
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	-	9.372.600.000
2. Phải trả người bán	312	V.10	16.193.997.030	10.348.147.200
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	1.488.001.460	1.003.637.328
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	5.005.620.226	6.900.261.908
5. Phải trả công nhân viên	315	V.13	547.910.319	482.000.000
6. Chi phí phải trả	316	V.14	-	164.020.500
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	7.199.053.592	2.202.686.086
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(715.346.716)	-
II. Nợ dài hạn			14.474.919.738	21.524.428.374
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	14.474.919.738	21.424.752.210
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	99.676.164
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		157.442.291.353	157.291.880.826
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	157.442.291.353	157.291.880.826
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		142.121.300.000	142.121.300.000
2. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(500.000.000)	(500.000.000)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.097.591.583
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.169.293.338	5.169.293.338
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.262.069.885	1.210.396.445
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		250.447.474	53.765.655
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		9.139.180.656	8.139.533.805
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		201.636.447.002	209.289.662.222

Kế toán trưởng


 Phạm Thị Quý Quyền

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc




 Mai Lê Lợi

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của BCTC)

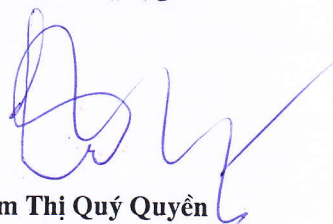
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	3.288.440.791.978	2.295.011.698.663
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.19	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.20	3.288.440.791.978	2.295.011.698.663
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	3.273.370.666.024	2.286.186.961.573
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		15.070.125.954	8.824.737.090
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	2.955.903.488	8.531.212.774
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	717.499.580	612.872.862
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		625.970.363	611.917.662
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	5.455.868.926	6.160.274.848
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.852.660.936	10.582.802.154
11. Thu nhập khác	31	VI.25	101.596.164	16.206.000
12. Chi phí khác	32		-	22.731.810
13. Lợi nhuận khác	40		101.596.164	(6.525.810)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.954.257.100	10.576.276.344
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.26	2.666.076.444	2.644.069.086
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.288.180.656	7.932.207.258
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			654	558

Kế toán trưởng


 Phạm Thị Quý Quyên

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc


 Mai Lê Lợi

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	189.426.963.306	131.488.907.789
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(62.521.196.934)	(95.518.824.922)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.291.107.835)	(7.431.759.506)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(625.970.363)	(5.194.653.592)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.312.147.009)	(2.761.443.039)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	22.735.917.481	14.780.934.188
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(124.966.291.700)	(67.812.426.821)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.446.166.946	(32.449.265.903)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(774.976.583)	(3.163.613.220)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.920.000	15.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(88.932.820.000)	(370.200.241.688)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	92.800.000.000	420.033.908.354
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.031.569.513	8.277.092.526
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.125.692.930	54.962.145.972
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	(499.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	9.282.600.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.322.432.472)	(6.324.832.472)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.139.533.805)	(8.390.724.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(24.461.966.277)	(5.931.957.072)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.890.106.401)	16.580.922.997
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.017.642.802	2.933.565.756
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	503.154.049
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	15.127.536.401	20.017.642.802

Kế toán trưởng

Phạm Thị Quý Quyền

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc

Mai Lê Lợi



(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của BCTC)